

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 và Quyết định gia hạn giấy phép số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức được khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Theo Biên bản ngày 24/5/2024 của Hội đồng thẩm định Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 916/TTr-STNMT ngày 26/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước (đã được UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 và Quyết định gia hạn giấy phép số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007) với các nội dung sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ: Để thanh lý tài nguyên thuộc phần diện tích đã khai thác hết trữ lượng và giao đất cho UBND huyện Tuy Phước quản lý theo quy

định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; phục hồi môi trường các khu vực đã khai thác.

2. Diện tích đóng cửa mỏ là 8,3 ha, được giới hạn bởi các điểm góc theo Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng thực hiện: Theo Đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ của UBND tỉnh thông qua.

4. Thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ: Đến tháng 01 năm 2025.

5. Kinh phí thực hiện đóng cửa mỏ: 984.930.000 đồng (*bằng chữ: Chín trăm tám mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi ngàn đồng*) từ nguồn vốn của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức.

6. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ: Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức.

Điều 2. Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ khối lượng và đúng tiến độ theo đề án đóng cửa mỏ đã phê duyệt.

2. Nộp tiền trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác với toàn bộ phần diện tích đã khai thác là 5,7ha vào Ngân sách tỉnh.

3. Báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi hoàn thành đề án để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ.

4. Đề nghị đóng cửa mỏ khu vực khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tính toán số tiền nộp vào ngân sách tỉnh trên cơ sở đơn giá trồng rừng thay thế đã được UBND tỉnh phê duyệt và phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức trình tự nộp tiền trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác với toàn bộ phần diện tích đã khai thác là 5,7ha vào ngân sách tỉnh theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, Chủ tịch UBND xã Phước Lộc, Giám Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Chi cục Khoáng sản Miền Trung;
- Lưu: VT, K4, K10, K17

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 1

**TOẠ ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN ĐÁ LÀM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI NÚI SƠN TRIỀU, XÃ
PHƯỚC LỘC, HUYỆN TUY PHƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày / /2024)

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 (KKT 108°15', múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)
1	1.531.451	297.119
2	1.531.081	296.819
3	1.531.451	296.669
Diện tích 8,3 ha		

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THUẬN ĐỨC

-----*◇*-----

**ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TẠI NÚI SƠN TRIỀU, XÃ PHƯỚC LỘC,
HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(ĐÃ CHỈNH SỬA THEO BIÊN BẢN CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN NGÀY .../.../2024 CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG)

**CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
THUẬN ĐỨC**



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Thuận

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP DỊCH VỤ
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huỳnh Tuấn

Bình Định, Năm 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	2
1. Cơ sở lập đề án đóng cửa mỏ	2
2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ.....	3
CHƯƠNG I.....	5
ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN.....	5
1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ.....	5
2. Lịch sử khai thác mỏ	8
CHƯƠNG II	10
HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ.....	10
1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản	10
2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ.....	16
3. Lý do đóng cửa khu vực khai thác đá.....	17
CHƯƠNG III.....	18
PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ.....	18
1. Phương án đóng cửa mỏ	18
2. Khối lượng đóng cửa mỏ	18
3. Tiến độ thực hiện.....	21
CHƯƠNG IV.....	23
DỰ TOÁN CHI PHÍ ĐÓNG CỬA MỎ	23
1. Căn cứ tính dự toán.....	23
2. Nội dung tính toán.....	24
CHƯƠNG V.....	27
TỔ CHỨC THI CÔNG.....	27
KẾT LUẬN	28

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở lập đề án đóng cửa mỏ

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ 01/7/2011;

- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH13, được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 03 tháng 02 năm 2021;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư 25/2017/TT-BTNMT ngày 06/09/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chế hoạt động của hội đồng thẩm định về đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

- Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án “Khai thác tận thu đá Riolite làm đá xây nghiền với diện tích 8,32ha tại núi Sơn Triều thôn Phú Mỹ 2, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 của UBND tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007 của UBND tỉnh Bình Định về việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Hợp đồng thuê đất số 77-2004/HĐ-TĐ ngày 08/11/2004.

- Hợp đồng thuê đất số 184/2007/HĐ-TĐ ngày 18/12/2007.

- Công văn số 2161/UBND-TNMT ngày 21/12/2023 của UBND huyện Tuy Phước về việc Công ty TNHH XD Thuận Đức đề nghị xác nhận mức độ hoàn thành dự án phục hồi môi trường.

- Căn cứ vào kết quả hoạt động khai thác đất của Công ty;

- Căn cứ vào hiện trạng và kết thúc khai thác tại khu vực;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên (QCVN-04:2009/BCT) ban hành năm 2009;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng.

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Căn cứ Quyết định 38/2005/QĐ-UBND ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng.

- Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đơn giá Trồng rừng đơn giá trồng rừng Thay thuế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Căn cứ Quyết định số 3654/UBND-KT ngày 07/06/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Bình Định năm 2023;

- Căn cứ Quyết định số 3655/UBND-KT ngày 07/06/2023 của UBND tỉnh Bình Định công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng tỉnh Bình Định năm 2023;

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Mục đích của dự án là đóng cửa toàn bộ khu vực khai thác sau khi kết thúc. Công ty san gạt lại mặt bằng khu vực đã khai thác nhằm làm cho đáy khai trường sau khi cải tạo, phục hồi môi trường được bằng phẳng để đảm bảo hướng thoát nước mỏ và tiến hành trồng cây phục hồi môi trường theo đúng phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

Do đó, Công ty tiến hành Cải tạo, phục hồi môi trường theo Phương án cải tạo phục hồi môi trường dự án khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án “Khai thác tận thu đá Riolite làm đá xay nghiền với diện tích 8,32ha tại núi Sơn Triều thôn Phú Mỹ 2, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tại Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 26/11/2010. Mục tiêu của

Dự án nhằm cải tạo, phục hồi môi trường theo hướng đưa môi trường và hệ sinh thái trở về tương tự như môi trường và hệ sinh thái trước khi đi vào khai thác, cụ thể như sau:

- Đảm bảo việc thay đổi địa hình do hoạt động khai thác là nhỏ nhất;
- Đảm bảo không gây ô nhiễm nguồn nước ngầm trong vùng;
- San lấp mương thoát nước, hồ lắng, tháo dỡ các công trình phụ trợ phục vụ khai thác để trả lại mặt bằng khu vực mỏ;

Vì vậy việc đóng cửa mỏ, san gạt mặt bằng, tháo dỡ hết tất cả các công trình dân dụng và công nghiệp, san lấp mương thoát nước, hồ lắng, tiến hành trồng cây phục hồi môi trường... là rất cần thiết. Công ty thực hiện lập đề án đóng cửa mỏ sau kết thúc khai thác đá bằng phương pháp lộ thiên trên toàn bộ phần diện tích theo ranh giới được giao.

2.2. Nhiệm vụ

- Thực hiện công tác san gạt mặt bằng, cải tạo và phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản và làm thủ tục bàn giao, trả lại mặt bằng sử dụng đất cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định. Để các mục tiêu nói trên được thực hiện tốt, chúng tôi tiến hành các công tác như sau: san gạt mặt bằng; tháo dỡ các công trình phục vụ khai thác, san lấp hồ lắng và mương thoát nước, tiến hành trồng cây phục hồi môi trường.... Với phương án này vừa đảm bảo đưa môi trường và hệ sinh thái tại khu vực dự án trở về tương tự ban đầu và vừa giảm thiểu được các sự cố, thiên tai xảy ra như hiện tượng sạt lở đất, sụt giảm mực nước ngầm,...

- Trữ lượng khoáng sản đã khai thác theo giấy phép khai thác khoáng sản kể từ ngày cấp phép theo giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 và Quyết định gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng với tại Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007, khối lượng khai thác được thống kê cụ thể:

STT	Thời gian khai thác	Khối lượng (m³)	Ghi chú
1	Năm 2004	165.000	Khai thác theo giấy phép GP số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 .
2	Năm 2005		
3	Năm 2006		
4	Năm 2007	65.000	Quyết định số 693/QĐ-UBND
5	Năm 2008		

			ngày 16/10/2007
Tổng cộng		230.000	

(Nguồn: Số liệu kê khai thuế – Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức)

- Hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ:

+ Công ty không tiến hành khai thác trên phần diện tích 2,6ha, hiện trạng trên khu đất đất cây bụi phát triển và cây bạch đàn do người dân trồng, công ty tiến hành trả lại cho nhà nước quản lý.

+ Thời gian cấp phép khai thác công ty tiến hành khai thác trên khu vực với tổng diện tích 5,7ha, hiện trạng khu vực đã kết thúc khai thác, công ty đã tiến hành san gạt và tháo dỡ các công trình hiện trạng. Công ty chưa tiến hành trồng cây phục hồi môi trường theo quy định.

+ Các hạng mục công trình đóng cửa mỏ, thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện, các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án được trình bày cụ thể tại *Chương III. Phương pháp, khối lượng công tác đóng cửa mỏ và Chương IV. Dự toán kinh phí.*

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ

1.1. Vị trí địa lý

Địa điểm thực hiện dự án thuộc núi Sơn Triều thôn Phú Mỹ 2, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định có các giới cận như sau:

- + Phía Đông : Giáp đường đi vào mỏ đá đang khai thác của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức;
- + Phía Tây : Giáp đất trồng keo lai;
- + Phía Bắc : Giáp núi Sơn Triều;
- + Phía Nam : Giáp đồi núi.

Khu vực khai thác khu vực mỏ thuộc sườn phía Đông Nam tại núi Sơn Triều, thôn Phú Mỹ, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước có Diện tích khu vực khai thác 8,3ha được giới hạn bởi các điểm góc có hệ tọa độ như sau :

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm góc khu mỏ

STT	Hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 6 ⁰ kinh tuyến trực 111 ^{00'}		UTM Indian - Thailand	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)

STT	Hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 6 ⁰ kinh tuyến trực 111 ⁰⁰ '		UTM Indian - Thailand	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	1.531.451	297.119	1.531.000	297.800
2	1.531.081	296.819	1.530.630	297.500
3	1.531.451	296.669	1.531.000	297.350

(Nguồn: Giấy phép khai khoáng sản số 219/GP-UB ngày 29/10/2004)



Hình 1.2 Vị trí khu vực đóng cửa mỏ trên bản đồ (Nguồn: Google Earth)

1.2. Điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội khu vực

- **Điều kiện tự nhiên**
- **Địa hình**

Địa hình diện tích mỏ là dạng đồi thấp, độ cao địa hình dao động +30m đến +70m, mức độ phân cắt thấp. Trong khu vực mỏ và trên các đồi núi chủ yếu là rừng trồng tái sinh gồm chủ yếu keo lai và cây bụi thấp, dây leo mọc xen lẫn nhau.

- **Giao thông**

Dự án cách QL1A khoảng 1,6km, đường vào dự án là đường đất. Đường giao thông vào Dự án có các Công ty khác cùng sử dụng chung như Công ty CP VLXD Mỹ Quang, Công ty TNHH Thuận Đức,...

b/ Khí hậu:

Khu mỏ nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới điển hình, một năm có hai mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa.

- Mùa khô bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 9, khí hậu thường khô và nóng. Nhiệt độ trung bình từ $27\div 35^{\circ}\text{C}$, đôi lúc đến 38°C , nóng nhất vào tháng 6 và tháng 7, nhiệt độ có ngày lên tới $39\div 40^{\circ}\text{C}$. Độ ẩm không khí trung bình vào mùa này là 79,5%.

- Mùa mưa bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 12, lượng mưa tập trung chủ yếu vào 2 tháng 10 và 11. Nhiệt độ không khí mùa này thay đổi từ $23\div 28^{\circ}\text{C}$. Lượng mưa từ $200\div 800\text{mm/tháng}$. Độ ẩm không khí trung bình vào mùa này là 83,5%.

c/ Hệ thống đường giao thông và các đối tượng xung quanh:

Với vị trí nằm gần trục Quốc lộ 1A và cách thị xã An Nhơn khoảng 8km về phía Tây Nam, cách thành phố Quy Nhơn khoảng 12km về phía Tây Bắc. Dân cư sống tập trung dọc theo quốc lộ 1A, vị trí dân cư gần khu mỏ nhất khoảng 320m về phía Nam; Bên cạnh có các cơ sở khai thác, xay nghiền đá của Công ty Cổ phần VLXD Mỹ Quang, Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức.

Nhìn chung đời sống nhân dân tương đối tốt, các cơ sở công nghiệp trong khu vực bắt đầu hình thành. Việc tiến hành khai thác ở đây sẽ thu hút số lao động nhàn rỗi, góp phần cải thiện đời sống nhân dân địa phương và cung cấp vật liệu cho việc xây dựng các cụm kinh tế đang trên đà phát triển.

Tại khu vực mỏ đá tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước hiện có các Công ty như: Công ty CP VLXD Mỹ Quang,...theo khảo sát hiện trạng cho thấy tuyến đường từ QL1A vào tới khu vực chế biến tại núi Sơn Triều hiện vẫn còn tốt đảm bảo khi các Công ty cùng hoạt động. Tuyến đường từ đường Quốc lộ 1A vào khu vực dự án khoảng 1,6km là đường đất được Công ty sử dụng với Công ty CP VLXD Mỹ Quang, Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức,...Hệ thống giao thông rất thuận tiện đáp ứng nhu cầu hoạt động mở rộng của dự án. Sản phẩm khai thác từ mỏ có thể vận chuyển đến nơi chế biến hoặc tiêu thụ thông qua các hệ thống giao thông trên.

- Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và các đối tượng xung quanh:

+ Dự án cách Nhà dân gần nhất khoảng 320m về hướng Nam;

- + Phía Đông Bắc dự án giáp mỏ đá Công ty CP VLXD Mỹ Quang;
- + Phía Tây cách mỏ đá Công ty Cổ phần khoáng sản Quy Nhơn khoảng 350m;

d/ Hệ thống sông suối

Hệ sông suối, khe trong khu vực khai thác hầu như không có, chỉ có hệ thống kênh mương phát triển khá mạnh. Cách dự án 100m về phía Tây là suối Dài chảy dọc từ phía Nam về phía Bắc.

- **Điều kiện xã hội kinh tế - xã hội**
- **Điều kiện về kinh tế**

Diện tích khu vực khai thác thuộc xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước; nằm gần trục Quốc lộ 1A và cách thị xã An Nhơn khoảng 8km về phía Tây Bắc, cách thành phố Quy Nhơn khoảng 16km về phía Đông Nam. Dân cư trong vùng tập trung rất đông dọc hai bên đường Quốc lộ 1A; dân cư ở đây sinh sống bằng rất nhiều nghề như: buôn bán, kinh doanh, trang trại, cơ khí chế tạo máy móc, làm trong các khu công nghiệp. Trong khu vực có nhiều khu công nghiệp như Phú Tài, Nhơn Hòa với hàng trăm công ty, xí nghiệp phát triển mạnh đa ngành nghề như: chế biến đá xuất khẩu, xây dựng, may mặc, phân bón, gỗ các loại, bao bì, thực phẩm...khu công nghiệp trên đã thu hút hàng nghìn lao động trong tỉnh và các tỉnh lân cận như Phú Yên, Gia Lai...về làm việc.

Trong những năm gần đây, đời sống kinh tế, dân trí và văn hóa của nhân dân trong vùng đã phát triển khá mạnh, cải thiện rõ nét. Hệ thống giao thông, trường học, bệnh viện, chợ, điện thấp sáng, thủy lợi... đã được đầu tư xây dựng kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng hiệu quả của nhân dân địa phương.

- **Điều kiện văn hóa xã hội**

*** Thực hiện các chế độ chính sách:**

UBND xã thường xuyên quan tâm tình hình tư tưởng và đời sống các gia đình có công cách mạng, gia đình chính sách trên địa bàn xã, tổ chức gặp mặt chúc tết và tặng quà cho các đối tượng chính sách hộ nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

- Duy trì thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội do nhà nước ban hành, hướng dẫn lập hồ sơ các trường hợp xin hỗ trợ, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập giáo dục.

- Lập thủ tục cấp thẻ BHYT cho hộ nghèo, hỗ trợ 50% mệnh giá bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, trợ cấp tiền điện cho hộ nghèo.

*** Về giáo dục - đào tạo**

- Hệ thống giao thông, trường học, bệnh viện, chợ, điện thấp sáng, thủy lợi... đã được đầu tư xây dựng mạnh đáp ứng nhu cầu sử dụng hiệu quả của nhân dân địa phương.

- Công tác quản lý nhà nước về giáo dục được tăng cường, các điều kiện cơ sở vật chất, trang bị phục vụ cho dạy và học được bồi dưỡng, đội ngũ giáo viên đạt chuẩn khá cao.

- Phát động mạnh mẽ phong trào dạy và học theo chủ đề năm học “tiếp tục thực hiện đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục” nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng phục vụ công tác dạy và học. Tăng cường công tác quản lý nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ CNVC, xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục, các chương trình vận động học sinh đến trường, hạn chế tỷ lệ học sinh bỏ học xuống mức thấp nhất.

*** Về y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình**

- Trạm y tế xã đã thực hiện tốt chương trình y tế dự phòng, công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng: các chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản, tiêm phòng cho bà mẹ và trẻ em cũng như khám sức khỏe cho người già, học sinh được tổ chức và quan tâm đúng mức.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình: triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về dân số - KHHGD.

2. Lịch sử khai thác mỏ

Căn cứ theo Trữ lượng khoáng sản đã khai thác theo giấy phép khai thác khoáng sản kể từ ngày cấp phép theo giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 và Quyết định gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng với tại Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007, khối lượng khai thác được thống kê cụ thể:

STT	Thời gian khai thác	Khối lượng (m³)	Ghi chú
1	Năm 2004	165.000	Khai thác theo giấy phép GP số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 .
2	Năm 2005		
3	Năm 2006		
4	Năm 2007	65.000	Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007
5	Năm 2008		
Tổng cộng		230.000	

(Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức)

Trong thời gian khai thác công ty đã đóng các nghĩa vụ tài chính các năm 2004 đến khi hết hạn khai thác theo Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007. Công ty đã kết thúc khai thác tại khu vực nêu trên.

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản có nội dung sau:

1.1. Các thông tin cơ bản của dự án đầu tư công trình khai thác mỏ

Vị trí khu vực khai thác mỏ được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ như sau:

Bảng 2.1. Tọa độ các điểm góc khu mỏ

STT	Hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 6^o kinh tuyến trực 111^o00'		UTM Indian - Thailand	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	1.531.451	297.119	1.531.000	297.800
2	1.531.081	296.819	1.530.630	297.500
3	1.531.451	296.669	1.531.000	297.350

(Nguồn: Giấy phép khai khoáng sản số 219/GP-UB ngày 29/10/2004)

Ngày 29/10/2004, UBND tỉnh Bình Định cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số 219/GP-UBND cho phép Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức được khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với nội dung:

- Diện tích khu vực cấp phép khai thác: 8,3ha
- Trữ lượng được khai thác: 165.000m³.
- Công suất được phép khai thác: 45.000m³ đá/năm.
- Thời hạn khai thác: 3 năm kể từ ngày ký (thời hạn khai thác đến 29/10/2007).

Đến ngày 16/10/2007, UBND tỉnh cấp quyết định gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại Quyết định số 293/QĐ-UBND.

- Diện tích khu vực cấp phép khai thác: 8,3ha

- Trữ lượng được khai thác: 65.000m³.
- Công suất được phép khai thác: 45.000m³ đá/năm.
- Thời hạn khai thác: 2 năm kể từ ngày ký (thời hạn khai thác đến 16/10/2007).

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Các thông số của khu vực khai thác (tọa độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động vào khai thác...) và các thông số hệ thống /khai thác đã được tính toán không thay đổi so với báo cáo kinh tế kỹ thuật ban đầu (*trình bày cụ thể tại mục 1.1 Các thông tin cơ bản của dự án đầu tư công trình khai thác mỏ*).

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

a) Khái quát về khu mỏ:

- ✓ **Tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác**

Căn cứ theo Trữ lượng khoáng sản đã khai thác theo giấy phép khai thác khoáng sản kể từ ngày cấp phép theo giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 và Quyết định gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng với tại Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007, khối lượng khai thác được thống kê cụ thể:

STT	Thời gian khai thác	Khối lượng (m³)	Ghi chú
1	Năm 2004	165.000	Khai thác theo giấy phép GP số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 .
2	Năm 2005		
3	Năm 2006		
4	Năm 2007	65.000	Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007
5	Năm 2008		
Tổng cộng		230.000	

(Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức)

- ✓ **Trữ lượng và tuổi thọ mỏ**

Trữ lượng đá khai thác hàng năm được xác định trên cơ sở biên giới khai trường được cấp thẩm quyền cấp phép khai thác, chiều dày, sự phân bố trong tài liệu địa chất và công suất thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trữ lượng của mỏ không thay đổi so với dự án đầu tư xây dựng công trình. Trữ lượng toàn mỏ cụ thể như sau: Trữ lượng đá trong diện tích xin cấp phép được thông giấy phép khai thác khoáng sản kể từ ngày cấp phép theo giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 và Quyết định gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng với tại Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007.

Tuổi thọ mỏ: Tổng thời gian khai thác thực tế theo giấy phép khai thác khoáng sản do UBND tỉnh Bình Định cấp phép là 5 năm (theo giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 và Quyết định gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng với tại Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007).

✓ **Chế độ làm việc**

- Bộ phận khai thác: số ngày làm việc trong năm được xác định trên tổng số ngày của năm, trừ ngày nghỉ chủ nhật, ngày lễ, tết, nghỉ phép theo chế độ và các ngày nghỉ bắt buộc do thời tiết lo lụi bão, hay máy móc bị hỏng hóc, sự cố,...; từ số ngày thực tế làm việc trong tháng lấy trung bình 20 ngày/tháng và thời gian khai thác 5 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Số ca làm việc trong 1 ngày: 1ca

Số giờ làm việc của 1 ca: 8 giờ

b) Khối lượng mỏ đã thực hiện

Như đã trình bày ở phần “tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác” nêu trên ta có khối lượng mỏ đã thực hiện là:

- Sau khi được cấp phép khai thác đến thời điểm hết hạn giấy phép Công ty đã khai thác với khối lượng thực tế cụ thể như sau:

STT	Thời gian khai thác	Khối lượng (m ³)	Ghi chú
1	Năm 2004	165.000	Khai thác theo giấy phép GP số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 .
2	Năm 2005		
3	Năm 2006		
4	Năm 2007	65.000	Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007
5	Năm 2008		
Tổng cộng		230.000	

(Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức)

Hiện tại Công ty đang làm hồ sơ thủ tục đóng cửa mỏ theo hướng dẫn của Thông tư 45/2016/TT-BTNMT, chương III Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

c. Phương pháp, trình tự, hệ thống khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác

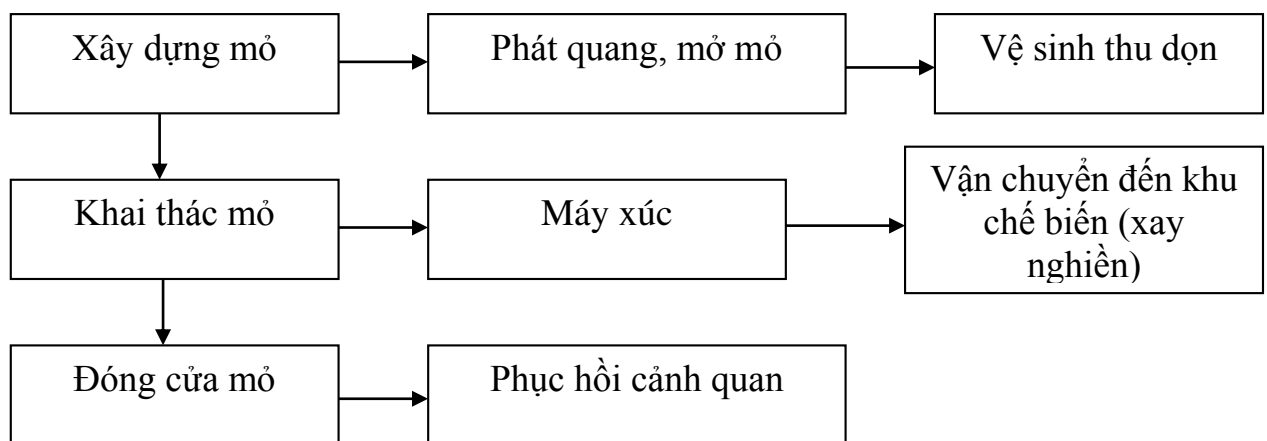
(1). Phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác

**** Phương pháp khai thác:***

- Trình tự khai thác được xác định theo điều kiện địa hình, đường vận tải và phương án khai thác đã chọn. Ở đây để phù hợp và hiệu quả ta chọn phương án khai thác theo phương án lớp bằng, tùy theo độ cao địa hình từng khu vực mà chia tầng khai thác cho hợp lý.

- Áp dụng phương pháp khai thác mở lộ thiên, máy đào xúc đá lên xe vận tải từ khai trường đến khu vực chế biến để xay nghiền. Hệ thống khai thác gồm tổng hợp các công trình đường giao thông vận tải trong mỏ, tạo thành mặt bằng để xúc và tiếp nhận đá trong quá trình khai thác mỏ. Công ty khai thác từ cos +72m đến cos +25m đảm bảo địa hình thoải dần từ phía Nam về phía Bắc và từ Tây sang Đông.

**** Quy trình khai thác:***



Hình 1.2. Sơ đồ khai thác tại khu vực dự án

Trong quá trình khai thác áp dụng phương pháp truyền thống với nhiều năm kinh nghiệm của công ty là khai thác mở lộ thiên, mở tầng và nhập tầng bằng khoan nổ mìn, là phương pháp đem lại hiệu quả kinh tế phù hợp. Sau khi nổ mìn, dùng xe xúc và xe ủi thu gom xúc đá lên xe vận tải vận chuyển về xưởng nghiền xay để chế biến.

Phương pháp khai thác nêu trên rất thông dụng và phù hợp với phương án khai thác trên vừa đảm bảo an toàn mỏ và tận dụng lớp băng để vận tải. Nó có ưu điểm là cơ động, linh hoạt, chi phí thấp.

d. Tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường và phục hồi môi trường theo Phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

- **Tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường:**

TT	Các tác động đến môi trường	Biện pháp giảm thiểu
1	Bụi do khai thác	<ul style="list-style-type: none">- Các phương tiện vận chuyển phải có bạt phủ che chắn đá.- Không sử dụng xe, máy móc quá cũ để vận chuyển nguyên vật liệu và thi công.- Thiết bị máy móc cơ khí được bảo trì thường xuyên để giảm thiểu khí thải do các phương tiện này thải ra, đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT.- Trang bị bảo hộ lao động, khẩu trang cho tất cả công nhân tại công trường.
2	Nước thải sinh hoạt	Xây dựng một hệ thống nhà vệ sinh với bể tự hoại cải tiến 05 ngăn với dung tích 1,0m ³ để thu gom và xử lý.
3	Nước mưa chảy tràn	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống mương dẫn nước dọc khai trường chảy về 02 hồ lắng.
4	Ô nhiễm tiếng ồn	<ul style="list-style-type: none">- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị.- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn. Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm.- Tần suất các phương tiện vận chuyển ra vào công trình một cách đồng đều, hợp lý trong khoảng thời gian làm việc. Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn vào cùng một thời điểm để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.- Hạn chế bóp còi và giảm tốc độ của xe (20 km/h) khi

Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

		qua khu vực dân cư.
5	Chất thải sinh hoạt và nguy hại	- Thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.
6	Sự cố sạt lở	- Không cho các loại thiết bị có tải trọng lớn như xe xúc, xe ủi,... làm việc sát mép bờ dừng khai thác, khoảng cách tối thiểu tính từ vị trí máy hoạt động đến mép bờ dừng là > 5m. - Công ty thực hiện đúng quy trình khai thác.
7	Chuyển đổi mục đích sử dụng rừng	- Khai thác đến đâu thì tiến hành phát quang, giải phóng mặt bằng đến đó. - Sau khai thác sẽ tiến hành san gạt và trồng cây phủ xanh khu vực khai thác.
8	An toàn lao động	- Trang bị bảo hộ lao động. - Đặt biển báo.

• Công tác phục hồi môi trường:

Công tác phục hồi môi trường được thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác. Một số hạng mục công tác cải tạo phục hồi môi trường tại thời điểm đóng cửa mỏ có ý kiến như sau:

+ Công tác san gạt mặt bằng: Đến thời điểm hiện nay công ty đã hoàn thành san gạt phần diện tích khu vực khi kết thúc khai thác, tháo dỡ các công trình phụ trợ .

+ Công tác trồng cây cải tạo phục hồi môi trường: Đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ công ty chưa tiến hành trồng cây phục hồi môi trường theo quy định, do để đảm bảo công tác cải tạo phục hồi môi trường theo quy định công ty sẽ lập dự toán trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Định.

• Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác:

Quy trình khai thác tại mỏ theo đúng thiết kế được thẩm định và phù hợp với thực tế sản xuất tại mỏ.

Tại vị trí đang khai thác, các thông số về độ sâu, diện tích đã được phê duyệt.

e. Công tác thực hiện nghĩa vụ với nhà nước

Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước theo quy định của Giấy phép và pháp luật như sau:

*** Nghĩa vụ tài chính:**

STT	Các khoản tài chính	Thành tiền
1	Ký quỹ cải tạo PHMT	95.450.000
2	Thuế tài nguyên	568.400.269
3	Phí bảo vệ môi trường	511.748.700
4	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-
5	Tiền xây dựng kết cấu hạ tầng	-
6	Tiền thuê đất	297.688.333
7	Thuế sử dụng đất PNN	-

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ

a) Hiện trạng khu vực khai thác

- Hiện trạng đối với phần diện tích 2,6ha không khai thác, trên khu đất cây bụi phát triển và cây bạch đàn do người dân trồng, công ty tiến hành trả lại cho nhà nước quản lý.

- Đối với khu vực khai thác với tổng diện tích 5,7ha, hiện trạng khu vực đã kết thúc khai thác, công ty đã tiến hành san gạt và tháo dỡ các công trình hiện trạng. Công ty chưa tiến hành trồng cây phục hồi môi trường theo quy định.

b) Trữ lượng khoáng sản được duyệt, trữ lượng khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, trữ lượng thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ.

(Đã trình bày cụ thể tại mục 1.3a Khái quát về khu mỏ, 1.3b Khối lượng mỏ đã thực hiện)

c) Đặc điểm địa hình địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ

Công ty khai thác từ cos +72m đến cos +25m đảm bảo địa hình thoải dần từ phía Nam về phía Bắc và từ Tây sang Đông.

d) Hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ tại thời điểm lập đề án:

Đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ công ty chưa tiến hành trồng cây phục hồi môi trường theo quy định, do để để đảm bảo công tác cải tạo phục hồi môi trường theo quy định công ty sẽ lập dự toán trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Mức độ an toàn các công trình mỏ

Hiện tại một số khu vực đã đảm bảo công tác phục hồi môi trường theo quy định.

Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án

Hiện tại công ty đã hoàn tất một số công tác cải tạo phục hồi môi trường theo đúng phương án cải tạo phục hồi môi trường đã duyệt, như san gạt, tháo dỡ các công trình phục vụ cho hoạt động khai thác và chế biến tại mỏ.

Với phương án này vừa đảm bảo đưa môi trường và hệ sinh thái tại khu vực dự án trở về tương tự ban đầu vừa nhằm mục đích làm cho đáy khai trường sau khi kết thúc khai thác được bằng phẳng để đảm bảo hướng thoát nước trên khu vực dự án thuận lợi như chưa khai thác đá.

3. Lý do đóng cửa khu vực khai thác đá

Đến nay, do tình hình khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thuộc núi Sơn Triều thôn Phú Mỹ 2, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã hết trữ lượng và thời hạn khai thác. Do đó, Công ty phải tiến hành lập đề án đóng cửa mỏ trên toàn bộ phần diện tích theo ranh giới được giao.

Nội dung của đề án là xây dựng kế hoạch, đưa ra các giải pháp để thực hiện công tác hoàn thổ, cải tạo và phục hồi môi trường sau kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản theo phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 2755/QĐ-CTUBND ngày 26/11/2010 về việc phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường dự án Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức, tiến hành đóng cửa để bảo vệ mỏ do đã khai thác hết phần trữ lượng khoáng sản được cấp phép.

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Phương án đóng cửa mỏ

Căn cứ theo Quyết định số 2755/QĐ-CTUBND ngày 26/11/2010 về việc phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường dự án Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức .

2. Khối lượng đóng cửa mỏ

2.1.2. Khối lượng thi công cải tạo phục hồi môi trường phải thực hiện

- Căn cứ theo Quyết định số 2755/QĐ-CTUBND ngày 26/11/2010 về việc phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường dự án Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức thì kế hoạch cải tạo Phục hồi môi trường tại khu vực dự án được đưa ra cụ thể như sau:

Bảng 3.1. Kế hoạch cải tạo PHMT tại khu vực dự án theo Phương án cải tạo PHMT đã phê duyệt

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng công việc
1	San ủi mặt bằng và hố lấp với đất đá lấy từ bãi thải nằm trong khu vực dự án	m ³	246.600
2	Tháo dỡ các công trình công nghiệp và dân dụng sau khi kết thúc khai thác		
2.1	Tháo dỡ các công trình phụ trợ trả lại mặt bằng (nhà làm việc, nhà ở công nhân, nhà kho thuốc nổ, nhà ăn + bếp, vệ sinh, kho vật tư, xưởng xay nghiền	m ²	320

Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

2.2	Tháo dỡ hệ thống trạm biến áp và đường dây điện	Hệ thống	01
2.3	Tháo dỡ trạm xay nghiền đá	Trạm	01
3	Trồng cây xanh mật độ 2.000 cây/ha keo lai	ha	5,7

2.2. Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Hiện nay Công ty đã khai thác xong trữ lượng đá làm vật liệu xây dựng thông thường được cấp phép khai thác. So với kế hoạch hoàn thổ phục hồi môi trường đã đưa ra trong Phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt thì Công ty đã hoàn thành một số công việc sau:

+ San ủi mặt bằng và hố lắng với đất đá lấy từ bãi thải nằm trong khu vực dự án.

+ Tháo dỡ các công trình công nghiệp và dân dụng sau khi kết thúc khai thác

+ Tháo dỡ các công trình phụ trợ trả lại mặt bằng (nhà làm việc, nhà ở công nhân, nhà kho thuốc nổ, nhà ăn + bếp, vệ sinh, kho vật tư, xưởng xay nghiền.

+ Tháo dỡ trạm xay nghiền đá.

Tiến độ thực hiện công tác cải tạo phục hồi môi trường dự án được thống kê cụ thể tại bảng sau:

Bảng 3.2. Kế hoạch cải tạo PHMT tại khu vực dự án theo Phương án cải tạo PHMT đã phê duyệt

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng công việc	Tiến độ thực hiện
1	San ủi mặt bằng và hố lắng với đất đá lấy từ bãi thải nằm trong khu vực dự án	m ³	246.600	Công ty đã hoàn thành công tác san gạt vào cuối năm 2015.
2	Tháo dỡ các công trình công nghiệp và dân dụng sau khi kết thúc khai thác			
3	Tháo dỡ các công trình phụ trợ trả lại mặt bằng (nhà làm việc, nhà ở công nhân, nhà kho thuốc nổ, nhà ăn + bếp, vệ sinh, kho vật tư, xưởng xay	m ²	320	Công ty hoàn thành vào cuối năm 2015

Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

	nghiền			
4	Tháo dỡ hệ thống trạm biến áp và đường dây điện	Hệ thống	01	
5	Tháo dỡ trạm xay nghiền đá	Trạm	01	

2.3. Giải pháp phục hồi đất đai và môi trường liên quan; số lượng, khối lượng đất màu, cây xanh (nếu có) cần sử dụng trong quá trình đóng cửa mỏ; nêu rõ sự thay đổi, phương án lựa chọn và lý do thay đổi so với Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt.

+ Công ty thực hiện quá trình cải tạo, phục hồi môi trường với sự kiểm tra giám sát của Chi cục bảo vệ môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tuy Phước.

+ Công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận được công ty bàn giao lại cho UBND huyện Tuy Phước quản lý.

+ Chủ đầu tư phối hợp chính quyền địa phương quản lý duy tu và bảo vệ công trình cải tạo. Trong trường hợp nếu xảy ra sự cố đối với các công trình cải tạo phục hồi môi trường công ty khắc phục lại toàn bộ khối lượng công việc đã thực hiện trước đó đồng thời đền bù các thiệt hại cho người dân bị ảnh hưởng từ các sự cố nêu trên.

2.4. Bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

2.5. Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình sau khi đóng cửa mỏ.

Phối hợp với chính quyền địa phương để bảo vệ tốt ranh giới mỏ, tài nguyên trong khu vực mục đích không cho các tổ chức cá nhân vào trong khu mỏ khai thác không đúng quy định.

Quản lý tốt các hồ sơ tài liệu Dự án đầu tư, tài liệu địa chất khu mỏ, hồ sơ thiết kế và hồ sơ cập nhật đã khai thác không được làm thất thoát hoặc giao cho các tổ chức cá nhân khi không được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tiến độ thực hiện

Căn cứ biên bản họp hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn

Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định” của Công ty TNHH Thuận Đức .

Căn cứ theo biên bản làm việc ngày 11/7/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức họp xem xét việc nộp số tiền trồng và chăm sóc cây thành rừng để đóng cửa mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức theo Giấy phép tận thu số 219/GP-UBND ngày 29/10/2004 của UBND tỉnh.

- Xử lý đá treo để vách đá về trạng thái an toàn: Đối với khu vực vách đá hiện trạng hình thành từ năm 2013 đến nay, công ty đã xử lý đá treo để vách đá về trạng thái an toàn. Đồng thời theo ý kiến của địa phương thời gian kết thúc khai thác đến nay khu vực vách đá hiện tại chưa có dấu hiệu sạt lở, hiện tại một số cây bụi thảm vật đã phủ xanh một số khu vực trên vách đá.

Do đó, khối lượng công việc công ty cần phải thực hiện để được đóng cửa mỏ khoáng sản theo ý kiến thành viên hội đồng như sau:

Bảng 3.3. Khối lượng công ty chưa thực hiện và dự kiến thời gian thực hiện

STT	Nội dung công việc	Đơn vị Tính	Khối lượng công việc	Tiến độ và thời gian
1	Nộp tiền trồng và chăm sóc cây thành rừng Trồng cây phục hồi môi trường phần diện tích bên trong ranh giới của dự án (toàn bộ diện tích đã khai thác).	ha	5,7ha	Từ tháng 7/2024 – tháng 01/2025
2	Nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích Công ty đã sử dụng để làm sân công nghiệp phục vụ khai thác mỏ chưa được thuê đất (thời điểm sử dụng từ 2018 đến nay)	ha	4,6ha	

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN CHI PHÍ ĐÓNG CỬA MỎ

1. Căn cứ tính dự toán

1.1. Định mức dự toán và đơn giá áp dụng trong dự toán bao gồm

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng.

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Căn cứ Quyết định 38/2005/QĐ-UBND ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng.

- Căn cứ Quyết định 4857/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt suất đầu tư trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Căn cứ Quyết định số 3654/UBND-KT ngày 07/06/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Bình Định năm 2023;

- Căn cứ Quyết định số 3655/UBND-KT ngày 07/06/2023 của UBND tỉnh Bình Định công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng tỉnh Bình Định năm 2023;

- Thông báo số 991/TB-SXD ngày 08/12/2023 Của Sở Xây dựng công bố thông tin giá vật liệu xây dựng tháng 11 năm 2023.

- Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đơn giá Trồng rừng đơn giá trồng rừng Thay thuế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Định.

1.2. Tỷ lệ phí áp dụng theo các văn bản sau

- Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng, các quy định khác của Nhà nước;

- Việc cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày

13/05/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- Thông tư 45/2016/T-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản; đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản; hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 26/5/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định đơn giá nhân công trong quản lý đầu tư xây dựng.

- Các văn bản pháp luật hiện hành khác.

2. Nội dung tính toán

2.1. Tổng dự toán chi phí đóng cửa mỏ

Hiện tại Công ty đã hoàn thành công tác cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đóng cửa mỏ đã nêu ở Chương III tại Bảng 3.3. Do đó tại đề án đóng cửa mỏ này chúng tôi tính toán lại chi phí để đóng cửa mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức theo Giấy phép tận thu số 219/GP-UBND ngày 29/10/2004 của UBND tỉnh.

2.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường tại khu vực dự án đã thực hiện

Căn cứ theo biên bản làm việc ngày 11/7/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức họp xem xét việc nộp số tiền trồng và chăm sóc cây thành rừng để đóng cửa mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức theo Giấy phép tận thu số 219/GP-UBND ngày 29/10/2004 của UBND tỉnh.

Chi phí trồng rừng để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản là trách nhiệm của doanh nghiệp phải thực hiện khi hết hạn giấy phép khai thác, việc không trồng rừng để sử dụng mặt bằng thực hiện dự án khác thì nghĩa vụ vẫn phải thực hiện. Do đó, các ngành thống nhất nộp tiền trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác với toàn bộ phần diện tích đã khai thác là 5,7ha vào Ngân sách tỉnh.

Trên cơ sở đó Công ty đã tiếp thu ý kiến thống nhất là nộp tiền trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác với toàn bộ phần diện tích đã khai thác là 5,7ha vào

Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ngân sách tỉnh và không thực hiện trồng rừng phục hồi môi trường theo Quyết định số 2755/QĐ-CTUBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện Tuy Phước.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị Tính	Khối lượng công việc	Tiến độ và thời gian
1	Nộp tiền trồng và chăm sóc cây thành rừng Trồng cây phục hồi môi trường phần diện tích bên trong ranh giới của dự án (toàn bộ diện tích đã khai thác).	ha	5,7ha	Từ tháng 7/2024 – tháng 01/2025
2	Nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích Công ty đã sử dụng để làm sân công nghiệp phục vụ khai thác mỏ chưa được thuê đất (thời điểm sử dụng từ 2018 đến nay)	ha	4,6ha	Từ tháng 7/2024 – tháng 01/2025

Bảng 4.1: Dự toán sau khi phê duyệt đề án được tính toán như sau

STT	MSCV	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá theo công bố 3654/UBND-KT và Công bố 3655/UBND-KT (Đồng)			Đơn giá sau hiệu chỉnh (Công văn số 270/TB-SXD ngày 07/05/2024, giá nhiên liệu tháng 04/2024)			Tổng đơn giá	Thành tiền
					Vật liệu	Nhân công	Máy	Vật liệu	Nhân công	Máy		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		Nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích Công ty đã sử dụng để làm sân công nghiệp phục vụ khai thác mỏ chưa được thuê đất (thời điểm sử dụng từ 2018 đến nay)	ha	4,6							57.960.000	266.616.000
2		Trồng rừng Thay thuế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	ha	5,70							126.020.000	718.314.000
III		Tổng cộng chi phí										984.930.000

Ghi chú: Đơn giá trồng rừng theo Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đơn giá Trồng rừng đơn giá trồng rừng Thay thuế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Để đảm bảo tính pháp lý và tuân thủ các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường sau khi thực hiện đóng cửa mỏ Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức xin cam kết thực hiện công tác đóng cửa mỏ cho khu vực khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, diện tích 8,3ha như sau:

1. Tính toán chi phí thực hiện đóng cửa mỏ đảm bảo trung thực, khách quan.
2. Công ty tổ chức thực hiện và hoàn thành các biện pháp thi công các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã được duyệt đúng thời gian, đảm bảo chất lượng.
3. Chuẩn bị đủ vật tư, thiết bị sẵn sàng phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình thực hiện khi xảy ra sự cố.
4. Thực hiện chế độ nộp hồ sơ báo cáo công tác đóng cửa mỏ theo đúng quy định.

KẾT LUẬN

Các hạng mục công trình của đề án đóng cửa mỏ đã lập ở trên đáp ứng mục tiêu đã đề ra, đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và phục vụ các mục đích có lợi cho con người, tạo được môi trường sinh thái tốt hơn cho khu vực sau khi đóng cửa khu mỏ.

Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét thẩm định và phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định để Công ty sớm triển khai thực hiện./.

PHỤ LỤC:

GIẤY TỜ PHÁP LÝ KÈM THEO

- Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án “Khai thác tận thu đá Riolite làm đá xây nghiền với diện tích 8,32ha tại núi Sơn Triều thôn Phú Mỹ 2, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số 219/GP-UB ngày 29/10/2004 của UBND tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 16/10/2007 của UBND tỉnh Bình Định về việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Hợp đồng thuê đất số 77-2004/HĐ-TĐ ngày 08/11/2004.

- Hợp đồng thuê đất số 184/2007/HĐ-TĐ ngày 18/12/2007.

- Công văn số 2161/UBND-TNMT ngày 21/12/2023 của UBND huyện Tuy Phước về việc Công ty TNHH XD Thuận Đức đề nghị xác nhận mức độ hoàn thành dự án phục hồi môi trường.

PHỤ LỤC HÌNH ẢNH THỰC TẾ TẠI KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

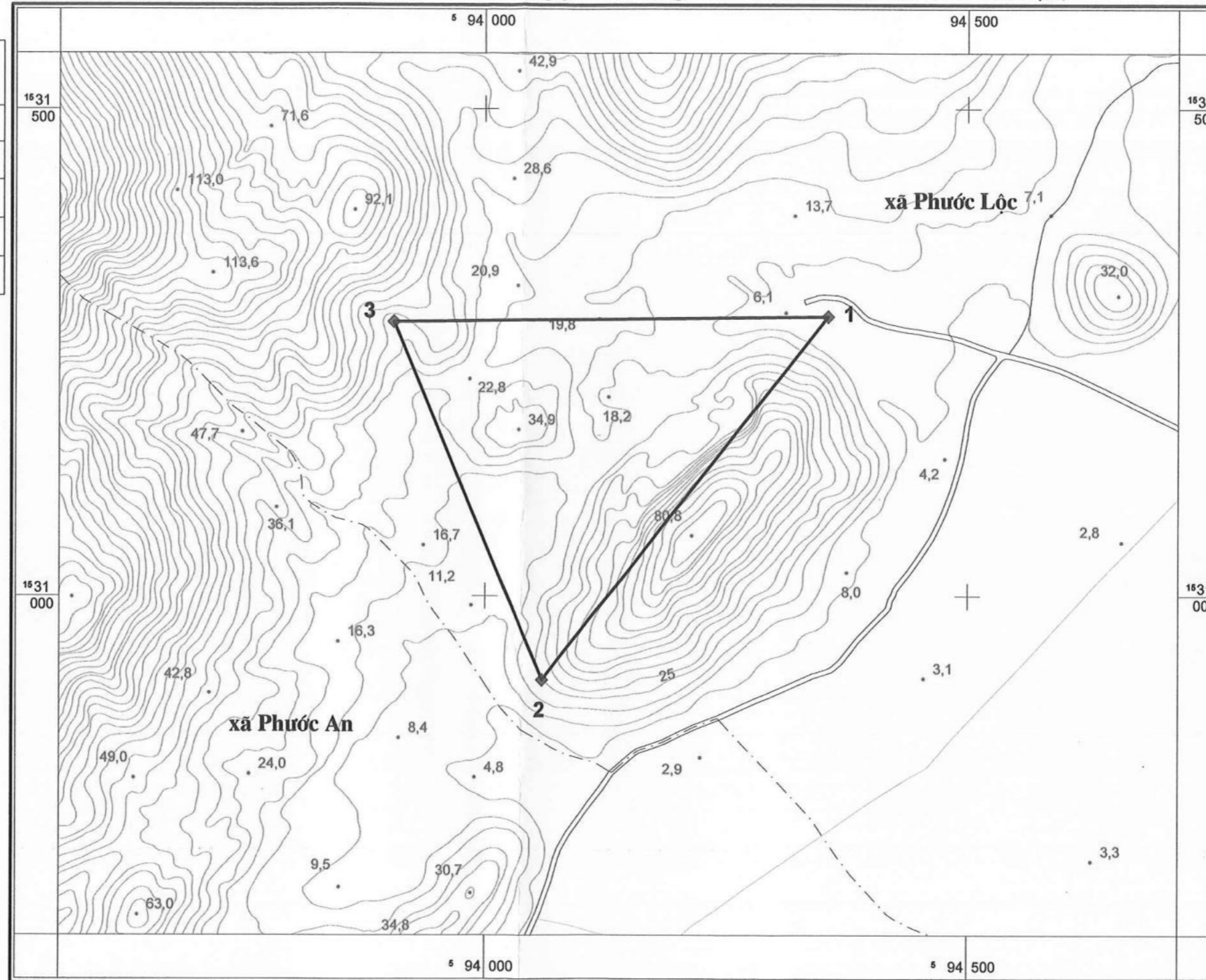
BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

PHỤ LỤC 2

ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI NÚI SƠN TRIỀU, XÃ PHƯỚC LỘC, HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH
 (Kèm theo Quyết định số/..... ngày tháng năm của UBND tỉnh Bình Định)

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC

Số hiệu điểm góc	Hệ toạ độ VN-2000 KTT 111 độ 00 phút múi 6 độ		Hệ toạ độ VN-2000 KTT 108 độ 15 phút múi 3 độ	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	1.531.451	297.119	1.531.286,85	594.354,70
2	1.531.081	296.819	1.530.913,47	594.059,00
3	1.531.451	296.669	1.531.281,69	593.904,78
Diện tích 8,3 ha				



CHỈ DẪN

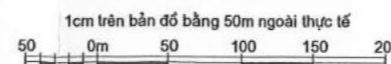
- Đường đồng mức và giá trị độ cao
- Điểm đo chi tiết và giá trị độ cao
- Ranh giới hành chính
- Đường giao thông
- Hệ thống sông, suối
- Điểm góc và số hiệu
- Diện tích đóng cửa mỏ

Người thành lập

Cao Trọng Tình
 Cao Trọng Tình

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình cấp xã tỷ lệ 1:10.000 tờ số 1 xã Phước Lộc. Kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi chiếu 3 độ"

TỶ LỆ 1:5.000



CÔNG TY CP DV

TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huỳnh Tuấn
 Nguyễn Huỳnh Tuấn